DRAGON CAPITAL

Số :1507/DCVFM.2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFVND
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 15-07-2021
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	**Securities Symbol**	**Volume**	**Weighting**
1	ACB	4,800	6.28%
2	CTD	500	1.23%
3	CTG	2,200	3.05%
4	EIB	700	0.76%
5	FPT	4,600	16.14%
6	GMD	3,200	5.17%
7	LPB	1,900	2.12%
8	MBB	5,300	6.30%
9	MSB	1,500	1.71%
10	MWG	2,300	15.77%
11	NLG	2,600	3.96%
12	PNJ	2,500	9.88%
13	REE	1,900	4.00%
14	TCB	4,800	10.08%
15	TCM	100	0.35%
16	TPB	1,400	1.90%
17	VIB	700	1.28%
18	VPB	3,700	9.37%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 2,412,665,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 2,428,275,145

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 15,610,145

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	**Kỳ này/This period (*) 15-07-2021**	**Kỳ trước/Last period (**) 14-07-2021**	Chênh lệch/ Changes
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	9	12	-3
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	537,900,000	537,000,000	900,000
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	24,900	24,980	-80
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	13,010,698,229,549	13,458,282,303,803	-447,584,074,254
của một lô ETF/per Creation Unit	2,428,275,145	2,511,810,806	-83,535,661
của một chứng chỉ quỹ/per Share	24,282.75	25,118.10	-835.35
6.Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,728.45	1,706.31	22.14

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 14/07/2021
(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 13/07/2021

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM

Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
Ngày ký: 16/07/2021